

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2024
“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mỹ Linh

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 618/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Quang Dũng E, sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: ấp Lung Dừa, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Đỗ Yến O, sinh năm: 1974. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Văn R, sinh năm: 1970. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C.

2. Chị Lưu Thị Hà M, sinh năm: 1993. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, hẻm 168, tổ 2, ấp 1, xã Sông Tr, huyện B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Lưu Quang Dũng E trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Yến O chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị O.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Lưu Quang Huy, sinh năm 2012. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có nợ ông Lưu Văn R (chú ruột) số tiền 107.000.000 đồng và nợ của Lưu Thị Hà M (em ruột) số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, trước đây chị M còn bán cho anh chiếc xe gắn máy với giá 30.000.000 đồng nhưng anh chưa trả.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Đỗ Yến O trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh Dũng E trình bày. Nay anh Dũng E yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lưu Quang Huy, sinh năm 2012. Khi ly hôn, chị thống nhất giao con cho anh Dũng E trực tiếp nuôi, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tài sản chung gồm: 24 chỉ vàng 24k; 14 con chồn mẹ và 05 con chồn con, trị giá 120.000.000 đồng; 01 cây nước trị giá 50.000.000 đồng; 01 vỏ composite và 01 máy honda trị giá: 20.000.000 đồng; 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất của cha mẹ chồng, trị giá căn nhà 100.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi các tài sản trên.

Đối với 01 phần đất nhận chuyển nhượng của ông Lưu Quang Nghiệm phần đất ngang 10m x 50m, (chuyển nhượng giấy tay), tiền nhận chuyển nhượng phần đất trên là do mẹ bà Huỳnh Thị Lệ Liễu cho chị nên chị yêu cầu nhận phần đất trên.

Về phần nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng nợ của ông Lưu Văn R số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với việc anh Dũng E cho rằng nợ Lưu Thị Hà M số tiền 50.000.000 đồng là không có. Trước đây, vợ chồng có mượn chị M số tiền 100.000.000 đồng nhưng đã trả rồi, không còn nợ.

Ông Lưu Văn R trình bày:

Cuối năm 2018, anh Dũng E có điện thoại cho ông để hỏi mượn số tiền 50.000.000 đồng để mua con giống (mua chồn lú) để nuôi. Ông đưa tiền trực tiếp cho anh Dũng E. Việc ông cho anh Dũng E mượn tiền trên, ông không biết vợ của Dũng E có biết hay không vì ông đưa tiền cho Dũng E. Khoảng năm 2022, ông không nhớ rõ thời gian, anh Dũng E có điện thoại cho ông để hỏi mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng, anh Dũng E mượn tiền dùng vào mục đích gì ông không rõ. Ông đưa tiền trực tiếp cho anh Dũng E. Việc ông cho anh Dũng E mượn tiền trên thì vợ của Dũng E có biết. Cuối năm 2022, ông có hỏi mua của anh Dũng 11 con chồn con để nuôi, quy ra thành tiền là 43.000.000 đồng. Tiền mua chồn được trừ vào tiền nợ. Như vậy, sau khi trừ anh Dũng E và vợ còn nợ ông số tiền 107.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 26/01/2024 tại Tòa án, đối với số tiền trên ông chưa có yêu cầu gì trong vụ này, sau này có tranh chấp ông sẽ khởi kiện thành vụ khác. Tại phiên tòa hôm nay ông đặt ra yêu cầu anh Dũng Evới chị O phải thanh toán số tiền trên cho ông.

Chị Lưu Thị Hà M trình bày tại phiên Tòa:

Trong quá trình anh Dũng Evà chị O chung sống, chị có cho anh Dũng Evà chị O mượn số tiền 100.000.000 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán.

Ngoài ra, trước đây chị còn bán cho anh chiếc xe giá 30.000.000 đồng nhưng anh chưa trả.

Tại phiên tòa hôm nay chị đặt ra yêu cầu: Anh Dũng Evới chị O phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dũng Evà chị O xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của anh Dũng Em, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc anh Dũng Eyêu cầu ly hôn với chị O, chị O thống nhất ly hôn với anh Dũng E nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Lưu Quang Huy, sinh năm 2012. Khi ly hôn anh Dũng Eyêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị O thống nhất, yêu cầu này phù hợp với ý kiến của cháu Huy. Do đó, việc giao con cho anh Dũng Etrực tiếp nuôi là phù hợp. Chị O có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 17/01/2024, tại Tòa án, chị O có đặt ra vấn đề phân chia tài sản chung. Tòa án đã ấn định cho chị Thời hạn để nộp đơn yêu cầu và làm thủ tục để phân chia tài sản chung nhưng hết thời hạn chị không nộp đơn cũng như làm thủ tục để phân chia tài sản. Tại phiên Tòa chị O tiếp tục đặt vấn đề phân chia tài sản chung. Xét thấy: Mặc dù được Tòa án ấn định thời hạn để chị O làm thủ tục phân chia tài sản chung nhưng chị O không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét việc phân chia tài sản chung giữa chị với anh Dũng trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp phân chia tài sản chung sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Hiện tại ông R, chị M cho rằng trong quá trình chung sống anh Dũng Em, chị O có nợ của ông R, chị M nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự không nộp đơn yêu cầu độc lập, chỉ đặt ra yêu cầu tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về nợ sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Dũng E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Quang Dũng E về việc ly hôn với chị Đỗ Yến O.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Quang Huy, sinh ngày 16/9/2012 cho anh Dũng E trực tiếp nuôi. Chị O có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Dũng E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007708 ngày 27/11/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, anh Dũng E tiếp tục nộp 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Thanh Quốc